

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1 **Phòng thi:** Phòng chờ thi B1.303**Môn thi:** Kỹ năng nói**Ca thi:** 13h30**Ngày thi:** 14/11/2021

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0030	Ngô Việt Dũng	27/02/1995				
2	TA0031	Nguyễn Tiến Du	24/12/1999				
3	TA0032	Nguyễn Ngọc Dương	20/01/1999				
4	TA0033	Lê Văn Tuyên	21/03/1999				
5	TA0034	Lê Văn Tình	10/09/1999				
6	TA0035	Đặng Văn Duy	13/08/1999				
7	TA0036	Nguyễn Văn Tiến	24/06/1999				
8	TA0037	Mai Đức Anh	26/12/1999				
9	TA0038	Nguyễn Ngọc Thiện	11/12/1999				
10	TA0039	Nguyễn Thanh Phong	09/03/1999				
11	TA0040	Nguyễn Hải Anh	15/09/1999				
12	TA0041	Hoàng Thị Phương Thảo	27/04/1999				
13	TA0042	Nguyễn Long Đạt	01/02/1999				
14	TA0043	Trần Thị Thuỳ Linh	23/03/1999				
15	TA0044	Đặng Đức Anh	14/07/1999				
16	TA0045	Đinh Hoàng Quý	22/06/1999				
17	TA0046	Nguyễn Đình Đức	14/10/1999				
18	TA0047	Chu Việt Hoàng	24/01/1999				
19	TA0048	Hồ Minh Quang	18/06/1999				
20	TA0049	Hoàng Thị Thùy Linh	26/10/1999				
21	TA0050	Lê Ngọc Giang	02/09/1983				
22	TA0051	Lê Quốc Đạt	20/05/1999				
23	TA0052	Đỗ Mạnh Dũng	27/02/1999				
24	TA0053	Lê Anh Đức	22/02/1999				
25	TA0054	Ngô Thế Hùng	29/08/2000				
26	TA0055	Nguyễn Tiến Huy Hoàng	25/10/2000				
27	TA0056	Lê Thị Hương Ly	28/03/2000				
28	TA0057	Phạm Thị Lan Hương	16/08/2000				
29	TA0058	Trần Bình	05/05/2000				

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ chấm thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)